TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2023
V/v *"L hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Nguyễn Ngọc Trứ
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc*" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/20223/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hương L sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Yên Thịnh, xã Sơn Đ, huyện Ba V, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh Giang Trung K- Sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Đồng Điểm, xã Thanh V1, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Trần Thị Hương L trình bày:

Chị kết hôn với anh Giang Trung K ngày 26/05/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh V1, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng anh K ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2022 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng sống L thân từ ngày 11/2022 cho đến nay, từ khi sống L thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu L hôn với anh Giang Trung K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, Giang Nhật Minh, sinh ngày 30/12/2017 hiện con chung đang sinh sống cùng anh K, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường L hôn chị đề nghị giao con chung cho anh Giang Trung K nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng đất, công sức: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc và ở xa chị đề nghị Tòa án cho chị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Bị đơn anh Giang Trung K tại bản tự khai, trình bày: Anh và chị Trần Thị Hương L trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh V1, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, ngày 26/5/2017. Sau khi kết hôn chị L về sống chung cùng anh ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống L thân từ năm tháng 11/2022 cho đến nay, từ khi sống L thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin L hôn, thì anh đồng ý L hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, Giang Nhật Minh, sinh ngày 30/12/2017 hiện con đang sinh sống cùng anh, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường L hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho tôi nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác*:* Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc anh có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị Hương L được L hôn anh Giang Trung K.

2, Về con chung: Giao con chung Giang Nhật Minh, sinh ngày 30/12/2017 cho anh Giang Trung K nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Giang Trung K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4, Về công nợ chung, ruộng đất, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5, Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị Hương L; Bị đơn anh Giang Trung K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị L và anh K là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị Hương L và anh Giang Trung K, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Thanh V1, huyện Hiệp Hòa, ngày 26/5/2017. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng đã L thân từ tháng 11/2022 đến nay, không còn quan hệ tình cảm, không còn chung sống với nhau. Chị L yêu cầu L hôn, anh K đồng ý L hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu L hôn với anh Giang Trung K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, Giang Nhật Minh, sinh ngày 30/12/2017 hiện con đang sinh sống cùng anh K, cháu cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, L hôn chị L đề nghị giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, anh K có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Do vậy, cần giao con chung cho anh Giang Trung K nuôi dưỡng là phù hợp yêu cầu của các đương sự, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất, công sức: Các bên đều xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Trần Thị Hương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

V các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị Hương L được L hôn anh Giang Trung K.

2, Về con chung: Giao con chung là Giang Nhật Minh, sinh ngày 30/12/2017 cho anh Giang Trung K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Giang Trung K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi L hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Hương L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002515 ngày 02/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh V1, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần